

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương quý I năm 2026

Kính gửi: Sở Tài chính.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND phường Sơn Nam về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND phường Sơn Nam về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

UBND phường báo cáo tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách phường quý I năm 2026, cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện thu ngân sách

Dự toán tỉnh giao: 376.953.000.000 đồng (thu nội địa: 136.980.000.000 đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 239.973.000.000 đồng).

Dự toán phường giao: 576.953.000.000 đồng (giao tăng 200.000.000.000 đồng thu tiền sử dụng đất, cụ thể: thu nội địa: 336.980.000.000 đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 239.973.000.000 đồng).

Thực hiện tổng thu ngân sách quý I đạt 537.937.084.834 đồng, đạt 142,71% dự toán tỉnh giao và 57,73% dự toán phường giao (trong đó: thu nội địa đạt 430.364.302.698 đồng đạt 314,18% dự toán tỉnh và 94,26% dự toán phường giao; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên đạt 70.142.700.000 đồng đạt 29,23% dự toán tỉnh và phường giao; thu chuyển nguồn: 37.430.082.136 đồng).

Thu ngân sách phường hưởng theo phân cấp: 187.444.610.158 đồng (trong đó: thu nội địa 79.871.828.022 đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

đạt 70.142.700.000 đồng đạt 29,23% dự toán tỉnh và phường giao; thu chuyển nguồn: 37.430.082.136 đồng).

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương: Thực hiện đạt 1.624.181.739 đồng (khoản thu này không giao trong dự toán).

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: Thực hiện đạt 2.803.222.025 đồng (khoản thu này không giao trong dự toán).

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Thực hiện đạt 6.744.581.664 đồng (khoản thu này không giao trong dự toán).

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: Thực hiện đạt 270.840.543.573 đồng, cụ thể:

+ Thuế GTGT: Thực hiện đạt 19.504.011.627 đồng; trong đó thu từ cá nhân hộ kinh doanh đạt 1.355.130.368 đồng bằng 45,32% dự toán tỉnh và phường giao.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thực hiện đạt 251.319.075.946 đồng (khoản thu này không giao dự toán).

+ Thuế tài nguyên: Thực hiện đạt 17.456.000 đồng (khoản thu này không giao dự toán).

- Thu lệ phí trước bạ: Thực hiện đạt 5.284.397.359 đồng bằng 23,8% dự toán tỉnh và phường giao, cụ thể:

+ Lệ phí trước bạ nhà đất: Thực hiện đạt 1.423.111.576 đồng đạt 20,33% dự toán tỉnh và phường giao.

+ Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy và tài sản khác: Thực hiện đạt 3.861.285.783 đồng bằng 25,4% dự toán tỉnh và phường giao.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện đạt 118.699.316 đồng, đạt 7,91% dự toán tỉnh và phường giao.

- Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện đạt 28.394.542.863 đồng; trong đó:

+ Thuế TNCN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản: Thực hiện 2.498.950.246 đồng đạt 29,4% dự toán tỉnh và phường giao.

+ Thuế TNCN từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhân: Thực hiện 802.794.265 đồng bằng 89,2% dự toán giao.

- Thuế bảo vệ môi trường: Thực hiện 3.466.496.158 đồng (khoản thu này không giao trong dự toán).

- Thu phí và lệ phí: Thực hiện đạt 510.191.660 đồng; trong đó thu phí, lệ phí do phường quản lý 107.396.000 đồng, đạt 143,19% dự toán tỉnh và phường giao.

- Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện 109.962.701.000 đồng đạt 109,96% dự toán tỉnh và 36,65% dự toán phường giao.

- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Thực hiện 283.552.067 đồng; thu từ các tổ chức, doanh nghiệp do tỉnh quản lý.

- Thu khác ngân sách: Thực hiện 288.152.557 đồng; (trong đó thu khác do phường quản lý 183.208.585 đồng) đạt 174,64% dự toán tỉnh và phường giao.

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 27.740.717 đồng (khoản thu này không giao trong dự toán).

2. Thu ngân sách phường hưởng theo phân cấp: 187.444.610.158 đồng, cụ thể:

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: thuế GTGT thu từ cá nhân hộ kinh doanh thực hiện đạt 1.355.130.368 đồng bằng 45,17% dự toán tỉnh và phường giao.

- Thu lệ phí trước bạ: Thực hiện đạt 2.012.252.681 đồng bằng 22,97% dự toán tỉnh và phường giao, cụ thể:

+ Lệ phí trước bạ nhà đất: Thực hiện đạt 853.866.946 đồng đạt 20,33% dự toán tỉnh và phường giao.

+ Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy và tài sản khác: Thực hiện đạt 1.158.385.735 đồng bằng 25,4% dự toán tỉnh và phường giao.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện đạt 118.699.316 đồng, đạt 7,91% dự toán tỉnh và phường giao.

- Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện đạt 1.305.204.389 đồng; trong đó:

+ Thuế TNCN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản: Thực hiện 499.790.049 đồng đạt 29,4% dự toán tỉnh và phường giao.

+ Thuế TNCN từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhân: Thực hiện 802.794.265 đồng bằng 89,2% dự toán giao.

- Thu phí và lệ phí: Thực hiện đạt 107.396.000 đồng, đạt 143,19% dự toán tỉnh và phường giao.

- Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện 74.774.636.683 đồng, đạt 109,96% dự toán tỉnh và 36,65% dự toán phường giao.

- Thu khác ngân sách: Thực hiện 183.208.585 đồng đạt 111,04% dự toán tỉnh và phường giao.

- Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại phường: Thực hiện 15.300.000 đồng đạt 2,39% dự toán tỉnh và phường giao.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 70.142.700.000 đồng, gồm:

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách: thực hiện 50.873.000.000 đồng đạt 25% dự toán giao.

+ Thu bổ sung có mục tiêu: thực hiện 19.269.700.000 đồng đạt 52,82% dự toán giao. Thu bổ sung có mục tiêu tăng do tỉnh bổ sung chi hỗ trợ hàng tháng đối với lực lượng an ninh trật tự ở cơ sở; chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi; tặng quà của Chủ tịch nước; chi công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; đại hội Hội Người cao tuổi nhiệm kỳ 2026-2031; chi chế độ, chính sách người hoạt động không chuyên trách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ; tặng quà Tết cho hộ nghèo.

- Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 37.430.082.136 đồng.

II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách

- Dự toán tỉnh giao: 324.713.000.000 đồng, gồm:
 - + Chi đầu tư phát triển: 68.000.000.000 đồng.
 - + Chi thường xuyên: 214.467.000.000 đồng.
 - + Dự phòng ngân sách: 5.766.000.000 đồng.
- Dự toán HĐND phường giao: 460.713.000.000 đồng, gồm:
 - + Chi đầu tư phát triển: 201.280.000.000 đồng.
 - + Chi thường xuyên: 214.467.000.000 đồng.
 - + Dự phòng ngân sách: 8.486.000.000 đồng.
- Thực hiện quý I năm 2026: 56.842.398.322 đồng, đạt 17,51% dự toán tỉnh và 12,34% dự toán phường giao. Cụ thể như sau:

1. Chi đầu tư phát triển:

- Dự toán tỉnh giao: 68.000.000.000 đồng và HĐND phường giao: 201.280.000.000 đồng.
- Thực hiện: 7.844.114.567 đồng, bằng 11,54% dự toán tỉnh và 3,9% dự toán phường giao, gồm:
 - + Chuyển nguồn tạm ứng năm 2025 chuyển sang: 5.287.516.716 đồng.
 - + Chi XDCB quý I năm 2026: 2.556.597.851 đồng.

2. Chi thường xuyên theo lĩnh vực:

- Dự toán tỉnh và phường giao: 214.467.000.000 đồng; Thực hiện: 48.998.283.755 đồng, bằng 22,85% dự toán tỉnh và phường giao. Trong đó:
 - + Chi Quốc phòng: thực hiện 1.158.014.818 đồng đạt 58,31% so dự toán giao.
 - + Chi an ninh: thực hiện 481.540.000 đồng đạt 60,9% so dự toán giao.
 - + Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: thực hiện: 15.373.976.584 đồng, đạt 14,81% so dự toán giao.
 - + Chi sự nghiệp Văn hoá - Thể thao - Truyền thanh: thực hiện 526.872.034 đồng; đạt 22,57% dự toán giao.
 - + Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: thực hiện 5.231.627.788 đồng, đạt 49,19% dự toán giao.
 - + Chi đảm bảo xã hội: thực hiện 8.102.330.800 đồng, đạt 84,76% dự toán giao. Chi vượt dự toán do chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.
 - + Ứng dụng khoa học công nghệ: thực hiện 10.000.000 đồng, đạt 0,82% dự toán giao.

+ Chi sự nghiệp kinh tế: thực hiện 401.315.478 đồng; đạt 0,89% so dự toán giao.

+ Chi quản lý hành chính nhà nước: thực hiện 17.712.606.253 đồng, đạt 50,27% dự toán giao.

III. Cân đối thu chi ngân sách phường quý I năm 2026

- Tổng thu ngân sách: 187.444.610.158 đồng.

- Tổng chi ngân sách: 56.842.398.322 đồng.

IV. Khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến nhiệm vụ thu, chi ngân sách

1. Về thu ngân sách

Từ năm 2026, thực hiện phân cấp nguồn thu theo Nghị quyết số 772/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của HĐND tỉnh; dự toán giao thu NSNN theo nhiệm vụ thu trên địa bàn phường đối với các khoản thu thuế GTGT, thuế TNCN từ hoạt động SXKD của cá nhân; thu tiền thuê mặt đất, mặt nước thực hiện thu từ cá nhân, hộ kinh doanh. Do vậy, mặc dù các chỉ tiêu giao thu đạt cao nhưng chủ yếu thu từ doanh nghiệp, tổ chức; dẫn đến chênh lệch lớn giữa tỷ trọng tổng thu của từng sắc thuế so với thu từ cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn phường.

Công tác đầu giá quyền sử dụng đất được thực hiện theo kế hoạch; tuy nhiên, do tác động của nền kinh tế đang biến động từng ngày, dẫn đến thị trường bất động sản có dấu hiệu giảm thanh khoản.

2. Về chi ngân sách

Chi đầu tư XD CB đạt thấp so với kế hoạch giao; giá nhiên liệu, nguyên vật liệu tăng cao do tình hình chính trị, kinh tế trên thế giới có nhiều biến động lớn, ảnh hưởng đến các nhà thầu trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình.

Chi thường xuyên các nhiệm vụ không tự chủ giao cho các đơn vị dự toán chưa được đẩy nhanh tiến độ thực hiện do trong quý I tập trung chi chỉnh lý ngân sách và thực hiện quyết toán ngân sách năm 2025.

V. Phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2026

1. Về thu ngân sách:

Phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban, Thuế Cơ sở 1 tỉnh Hưng Yên thực hiện các giải pháp chống thất thu và đôn đốc thu nộp NSNN; rà soát, lập sổ bộ thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2026.

Giao Ban QLDA đầu tư xây dựng phường đẩy nhanh tiến độ đầu giá QSDĐ các dự án theo kế hoạch giao.

2. Về chi ngân sách

Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước theo kế hoạch giao, thực hiện chủ trương tiết kiệm chi thường xuyên, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp.

Chủ động đơn đốc các đơn vị đang thi công các dự án, công trình có phương án đối phó với các tình huống tăng giá nhiên liệu như xăng, dầu ảnh hưởng đến giá nguyên, vật liệu, nhân công.

Kiểm soát chặt chẽ chi tiêu công, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các khoản chi ngân sách đảm bảo chi đúng dự toán được giao, kinh phí được sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, thực hiện tốt công tác quản lý từ tài sản công.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Vậy, UBND phường trân trọng báo cáo. ✓

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT ✓

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN ✓

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG SƠN
NAM
Thời gian ký: 06/04/2026 16:39:15



Dương Công Nhiệm

PHỤ LỤC 01
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG QUÝ I/2026
(Kèm theo Báo cáo số 422 /BC-UBND ngày 6 /4/2026 của UBND phường Sơn Nam)

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán tỉnh giao		Dự toán phường giao		Thực hiện quý I năm 2026		Tỷ lệ %			
		Thu NSNN	Thu NS phường hưởng	Thu NSNN	Thu NS phường hưởng	Thu NSNN	Thu NS phường hưởng	Dự toán tỉnh giao		Dự toán phường giao	
								Thu NSNN	Phườn g hưởng	Thu NSNN	Phường hưởng
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/3	10=8/4	11=7/5	12=8/6
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	376.953.000.000	324.713.000.000	576.953.000.000	460.713.000.000	537.937.084.834	187.444.610.158	142.71	57.73	93.24	40.69
I	Thu nội địa	136.980.000.000	84.740.000.000	336.980.000.000	220.740.000.000	430.364.302.698	79.871.828.022	314.18	94.26	127.71	36.18
	Tổng thu trừ tiền sử dụng đất	36.980.000.000	16.740.000.000	36.980.000.000	16.740.000.000	320.401.601.698	5.097.191.339	866.42	30.45	866.42	30.45
	Thu từ DNNN trung ương					1.624.181.739					
	Thu từ DNNN địa phương					2.803.222.025					
	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài					6.744.581.664					
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	270.840.543.573	1.355.130.368	9.028.02	45.17	9028.02	45.17
-	Thuế giá trị gia tăng	2.990.000.000	2.990.000.000	2.990.000.000	2.990.000.000	19.504.011.627	1.355.130.368	652.31	45.32	652.31	45.32
	Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	2.990.000.000	2.990.000.000	2.990.000.000	2.990.000.000	1.355.130.368	1.355.130.368	45.32	45.32	45.32	45.32
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000					0.00	0.00
	Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000					0.00	0.00
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp					251.319.075.946					
-	Thuế tài nguyên					17.456.000					
2	Lệ phí trước bạ	22.200.000.000	8.760.000.000	22.200.000.000	8.760.000.000	5.284.397.359	2.012.252.681	23.80	22.97	23.80	22.97
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	7.000.000.000	4.200.000.000	7.000.000.000	4.200.000.000	1.423.111.576	853.866.946	20.33	20.33	20.33	20.33
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	15.200.000.000	4.560.000.000	15.200.000.000	4.560.000.000	3.861.285.783	1.158.385.735	25.40	25.40	25.40	25.40
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	118.699.316	118.699.316	7.91	7.91	7.91	7.91
4	Thuế thu nhập cá nhân	9.400.000.000	2.600.000.000	9.400.000.000	2.600.000.000	28.394.542.863	1.305.204.389	302.07	50.20	302.07	50.20
-	Tr.đó: Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	8.500.000.000	1.700.000.000	8.500.000.000	1.700.000.000	2.498.950.246	499.790.049	29.40	29.40	29.40	29.40
-	Tr.đó: Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	900.000.000	900.000.000	900.000.000	900.000.000	802.794.265	802.794.265	89.20	89.20	89.20	89.20
5	Thuế bảo vệ môi trường					3.466.496.158					
6	Phí, lệ phí	75.000.000	75.000.000	75.000.000	75.000.000	510.191.660	107.396.000	680.26	143.19	680.26	143.19
	Trong đó: Phí, lệ phí do xã quản lý	75.000.000	75.000.000	75.000.000	75.000.000	107.396.000	107.396.000	143.19	143.19	143.19	143.19

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán tỉnh giao		Dự toán phường giao		Thực hiện quý I năm 2026		Tỷ lệ %			
		Thu NSNN	Thu NS phường hưởng	Thu NSNN	Thu NS phường hưởng	Thu NSNN	Thu NS phường hưởng	Dự toán tỉnh giao		Dự toán phường giao	
								Thu NSNN	Phườn g hưởng	Thu NSNN	Phường hưởng
7	Tiền sử dụng đất	100.000.000.000	68.000.000.000	300.000.000.000	204.000.000.000	109.962.701.000	74.774.636.683	109.96	109.96	36.65	36.65
-	Khu đất tỉnh quản lý (dự án khu đất giao cấp huyện trước sắp xếp)		-		-		-				
-	Khu đất phường quản lý	100.000.000.000	68.000.000.000	300.000.000.000	204.000.000.000	109.962.701.000	74.774.636.683	109.96	109.96	36.65	36.65
8	Thu tiền thuê đất	0	0	0	0	283.552.067	-				
	Trong đó: Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		-	-	-	-	-				
9	Thu khác	165.000.000	165.000.000	165.000.000	165.000.000	288.152.557	183.208.585	174.64	111.04	174.64	111.04
	Trong đó: Thu khác phường quản lý	165.000.000	165.000.000	165.000.000	165.000.000	183.208.585	183.208.585	111.04	111.04	111.04	111.04
10	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại phường	640.000.000	640.000.000	640.000.000	640.000.000	15.300.000	15.300.000	2.39	2.39	2.39	2.39
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết										
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản					27.740.717					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	239.973.000.000	239.973.000.000	239.973.000.000	239.973.000.000	70.142.700.000	70.142.700.000	29.23	29.23	29.23	29.23
1	Bổ sung cân đối ngân sách	203.493.000.000	203.493.000.000	203.493.000.000	203.493.000.000	50.873.000.000	50.873.000.000	25.00	25.00	25.00	25.00
2	Bổ sung có mục tiêu	36.480.000.000	36.480.000.000	36.480.000.000	36.480.000.000	19.269.700.000	19.269.700.000	52.82	52.82	52.82	52.82
III	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang					37.430.082.136	37.430.082.136				

Khánh

o2h

PHỤ LỤC 02

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 122/BC-UBND ngày 6/4/2026 của UBND phường Sơn Nam)

ĐVT: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán tỉnh giao	Dự toán phường giao	Thực hiện quý I/2026	Tỷ lệ % thực hiện	
					DT tỉnh	DT phường
A	B	I	2	3	4=3/1	4=3/2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (A+B)	324.713.000.000	460.713.000.000	56.842.398.322	17.51	12.34
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	288.233.000.000	424.233.000.000	56.842.398.322	19.72	13.40
I	Chi đầu tư phát triển	68.000.000.000	201.280.000.000	7.844.114.567	11.54	3.90
1	Từ nguồn XDCB tập trung					
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	68.000.000.000	201.280.000.000	7.844.114.567	11.54	3.90
3	Chi đầu tư từ nguồn kết dư, tăng thu					
4	Chi đầu tư từ nguồn tài trợ					
II	Chi thường xuyên	214.467.000.000	214.467.000.000	48.998.283.755	22.85	22.85
1	Chi quốc phòng	1.986.000.000	1.986.000.000	1.158.014.818	58.31	58.31
2	Chi an ninh	790.000.000	790.000.000	481.540.000	60.95	60.95
3	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	103.823.000.000	103.823.000.000	15.373.976.584	14.81	14.81
3.1	Sự nghiệp giáo dục	103.823.000.000	103.823.000.000	15.373.976.584	14.81	14.81
4	Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	2.334.000.000	2.334.000.000	526.872.034	22.57	22.57
5	Ứng dụng khoa học công nghệ	1.220.000.000	1.220.000.000	10.000.000	0.82	0.82
6	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	10.636.536.000	10.636.536.000	5.231.627.788	49.19	49.19
7	Đảm bảo xã hội	9.559.000.000	9.559.000.000	8.102.330.800	84.76	84.76
8	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.551.000.000	1.551.000.000		0.00	0.00
9	Sự nghiệp kinh tế	44.958.000.000	44.958.000.000	401.315.478	0.89	0.89
10	Chi quản lý hành chính	35.235.464.000	35.235.464.000	17.712.606.253	50.27	50.27
11	Chi khác		1.074.000.000			
12	Chi khen thưởng		1.300.000.000			
III	Dự phòng	5.766.000.000	8.486.000.000			
B	CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	36.480.000.000	36.480.000.000	-		
1	Chi từ nguồn Bổ sung có mục tiêu	13.795.000.000	13.795.000.000			
2	Chi thực hiện chính sách an sinh xã hội từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh	22.685.000.000	22.685.000.000			

Handwritten signatures and initials.